

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẬN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ 07 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Văn Mọi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Xuân Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Ngày 17 tháng 6 năm 2021

Ban điều hành, quản lý

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo (tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Trần Quang Thảo

Ngày 8 tháng 8 năm 2023

Số: 2.0498/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 8 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		342.424.136.185	345.990.329.958
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	75.152.592.178	108.028.733.588
1. Tiền	111		30.152.592.178	32.028.733.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	76.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		104.000.000.000	121.700.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	104.000.000.000	121.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.372.683.115	102.170.953.894
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	137.522.445.468	85.550.148.721
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.899.942.056	12.580.180.279
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.570.411.512	6.677.389.315
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.620.115.921)	(2.636.764.421)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.389.406.102	4.543.353.759
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.389.406.102	4.543.353.759
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.509.454.790	9.547.288.717
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	7.509.454.790	9.547.288.717
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		186.900.749.291	166.142.434.841
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	15.000.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		118.354.372.746	122.016.773.364
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	109.962.145.767	113.867.299.754
Nguyên giá	222		537.072.662.040	528.228.712.640
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(427.110.516.273)	(414.361.412.886)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	8.392.226.979	8.149.473.610
Nguyên giá	228		19.438.661.733	17.569.099.958
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.046.434.754)	(9.419.626.348)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	505.534.996	712.237.403
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		505.534.996	712.237.403
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	30.222.710.423	30.983.913.096
1. Đầu tư vào công ty con	251		28.100.000.000	28.100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.600.000.000	3.600.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.477.289.577)	(716.086.904)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22.818.131.126	12.429.510.978
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	14.904.653.639	11.407.662.104
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	7.913.477.487	1.021.848.874
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		529.324.885.476	512.132.764.799

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		230.102.762.849	201.985.676.653
I. Nợ ngắn hạn	310		220.312.819.989	179.209.146.201
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	61.164.143.694	74.107.652.264
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.906.447	54.027.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	16.440.768.397	5.022.198.574
4. Phải trả người lao động	314		48.959.015.704	42.178.895.121
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	39.934.052.316	5.250.244.369
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	7.451.236.472	7.851.212.261
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	1.870.262.856	4.880.554.090
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	44.472.434.103	39.864.362.522
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.789.942.860	22.776.530.452
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	3.000.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	6.789.942.860	22.776.530.452
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		299.222.122.627	310.147.088.146
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	299.222.122.627	310.147.088.146
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		71.049.642.295	66.195.499.576
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.262.280.332	44.041.388.570
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	44.041.388.570
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.262.280.332	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		529.324.885.476	512.132.764.799

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	371.336.850.907	362.103.915.788
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		371.336.850.907	362.103.915.788
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	284.075.040.092	280.089.762.840
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.261.810.815	82.014.152.948
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.333.191.007	8.165.003.042
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.763.537.987	1.756.371.879
Trong đó: chi phí lãi vay	23		950.086.773	1.749.972.899
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.336.798.186	6.121.221.657
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	24.790.819.509	26.030.388.416
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.703.846.140	56.271.174.038
11. Thu nhập khác	31	VI.7	402.372.587	347.424.413
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.165.043.291	733.424.025
13. Lợi nhuận khác	40		(762.670.704)	(385.999.612)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.941.175.436	55.885.174.426
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	18.291.376.862	12.672.178.992
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(6.891.628.613)	(2.171.206.775)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.541.427.187	45.384.202.209
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59.941.175.436	55.885.174.426
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	14.375.911.793	14.712.310.332
- Các khoản dự phòng	03		744.554.173	20.604.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(15.710.979)	(35.522.375)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.193.681.335)	(7.931.136.895)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	950.086.773	1.749.972.899
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.802.335.861	64.401.402.387
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(61.207.748.590)	(20.423.819.285)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		153.947.657	812.715.159
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		26.069.315.085	(10.175.477.099)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.459.157.608)	3.319.229.436
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(886.641.894)	(1.567.949.885)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(7.858.125.309)	(9.776.436.798)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	15.000.000	14.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(10.893.077.125)	(18.741.755.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.735.848.077	7.861.908.915
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.840.010.895)	(7.490.361.856)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(84.000.000.000)	(26.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		101.700.000.000	17.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.816.944.349	7.983.161.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.676.933.454	(8.507.200.305)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	-	7.400.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(18.996.878.826)	(16.264.470.155)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(43.304.999.700)	(31.719.533.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(62.301.878.526)	(40.584.003.955)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(32.889.096.995)	(41.229.295.345)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	108.028.733.588	102.801.512.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12.955.585	50.434.419
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	75.152.592.178	61.622.651.563

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có trụ sở chính tại 9B Tú Xương, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,00%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 452 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 447 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	636.014.007	932.510.205
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.516.578.171	31.096.223.383
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	45.000.000.000	76.000.000.000
Cộng	75.152.592.178	108.028.733.588

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng lãi suất từ 7,3% – 9,5%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	28.100.000.000	-	28.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái ⁽ⁱ⁾	23.000.000.000	-	23.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	3.600.000.000 (1.477.289.577)		3.600.000.000 (716.086.904)	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.600.000.000 (1.477.289.577)		3.600.000.000 (716.086.904)	
Cộng	31.700.000.000 (1.477.289.577)		31.700.000.000 (716.086.904)	

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151760 ngày 13 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái có vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái 23.000.000.000 VND, sở hữu 2.300.000 cổ phần tương đương 57,50% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 ngày 30 tháng 6 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực có vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực 5.100.000.000 VND, sở hữu 510.000 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ (không thay đổi so với đầu năm).
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316787129 ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 ngày 21 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Express 3.600.000.000 VND, sở hữu 360.000 cổ phần tương đương 36% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 14.400.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	6.670.938.052	8.494.140.091
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	39.088.334.977	45.426.435.449
Cổ tức nhận được từ Công ty con	4.140.000.000	3.450.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	4.235.636.813	4.125.051.049
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	2.428.204.000	5.607.287.308
Mua dầu tại Công ty con	2.118.312.300	2.672.970.179
Cổ tức nhận được từ Công ty con	1.530.000.000	1.275.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	103.571.460.422	53.796.941.219
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	89.864.441.963	35.460.191.821
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	7.531.091.861	11.762.460.830
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	4.514.503.413	3.501.368.868
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	3.400.000	34.190.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	234.810.000	491.132.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	46.702.425	136.012.500
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	81.129.400	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	4.346.160	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	1.291.035.200	2.411.585.200
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	33.950.985.046	31.753.207.502
Cộng	137.522.445.468	85.550.148.721

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	3.215.319.057	1.755.539.280
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	2.770.906.270	1.755.539.280
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	410.037.787	-
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	34.375.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	3.684.622.999	10.824.640.999
Công ty TNHH Hiệp Lực	3.377.627.999	6.755.255.999
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng Mico	-	2.068.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Á Long	-	1.524.400.000
Các nhà cung cấp khác	306.995.000	476.985.000
Cộng	6.899.942.056	12.580.180.279

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.812.997.385	-	1.539.094.885	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – thu chi hộ nâng hạ	1.812.997.385	-	1.539.094.885	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Cổ tức	2.000.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.757.414.127	-	5.138.294.430	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.445.797.262	-	2.069.060.276	-
Tạm ứng	1.850.914.795	-	1.296.127.516	-
Các khoản chi hộ	1.449.945.900	-	1.685.930.534	-
Các khoản phải thu khác	10.756.170	-	87.176.104	-
Cộng	9.570.411.512	-	6.677.389.315	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Hiệp Lực (xem thuyết minh VII.2)	15.000.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Lưu	Trên 3 năm	441.997.000	(441.997.000)	441.997.000	(441.997.000)
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	Trên 3 năm	1.565.679.417	(1.565.679.417)	1.565.679.417	(1.565.679.417)
Công ty TNHH TMDV Giao nhận Vận tải Haco	Trên 3 năm	72.873.000	(72.873.000)	125.997.000	(125.997.000)
Công ty Cổ phần Thương mại MDK	Trên 3 năm	188.456.000	(188.456.000)	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại MDK	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.805.000	(4.763.500)	223.920.000	(156.744.000)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	346.347.004	(346.347.004)	346.347.004	(346.347.004)
Cộng		2.622.157.421	(2.620.115.921)	2.703.940.421	(2.636.764.421)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.636.764.421	2.806.365.421
Trích lập dự phòng bổ sung	36.475.500	40.848.000
Hoàn nhập dự phòng	(53.124.000)	(20.244.000)
Số cuối kỳ	2.620.115.921	2.826.969.421

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.181.095.655	4.327.493.050
Công cụ, dụng cụ	208.310.447	215.860.709
Cộng	4.389.406.102	4.543.353.759

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.039.533.033	1.602.368.038
Chi phí bảo hiểm	3.106.968.221	4.090.882.262
Chi phí sửa chữa	2.482.353.358	3.559.816.101
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	880.600.178	294.222.316
Cộng	7.509.454.790	9.547.288.717

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	759.615.961	690.172.372
Chi phí sửa chữa	9.749.652.951	7.570.695.677
Chi phí khác	4.395.384.727	3.146.794.055
Cộng	14.904.653.639	11.407.662.104

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	171.661.202.312	183.953.514.412	109.329.138.257	4.794.825.743	58.490.031.916	528.228.712.640
Mua trong kỳ	-	5.711.290.000	-	3.132.659.400	-	8.843.949.400
Số cuối kỳ	171.661.202.312	189.664.804.412	109.329.138.257	7.927.485.143	58.490.031.916	537.072.662.040

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.052.871.723	152.088.706.875	103.319.370.077	4.617.935.743	38.950.853.540	347.029.737.958
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	90.153.067.959	162.274.731.771	107.290.678.198	4.724.955.737	49.917.979.221	414.361.412.886
Khấu hao trong kỳ	4.231.634.784	5.688.854.016	1.118.737.582	29.275.003	1.680.602.002	12.749.103.387
Số cuối kỳ	94.384.702.743	167.963.585.787	108.409.415.780	4.754.230.740	51.598.581.223	427.110.516.273

Giá trị còn lại

Số đầu năm	81.508.134.353	21.678.782.641	2.038.460.059	69.870.006	8.572.052.695	113.867.299.754
Số cuối kỳ	77.276.499.569	21.701.218.625	919.722.477	3.173.254.403	6.891.450.693	109.962.145.767

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 29.929.249.546 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	17.569.099.958	(9.419.626.348)	8.149.473.610
Mua trong kỳ	1.869.561.775	-	1.869.561.775
Khấu hao trong kỳ	-	(1.626.808.406)	(1.626.808.406)
Số cuối kỳ	19.438.661.733	11.046.434.754	8.392.226.979

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 3.698.631.800 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	10.713.511.175	(10.713.511.175)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	712.237.403	4.705.153.296	-	(4.911.855.703)	505.534.996
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	454.122.152	-	-	-	454.122.152
Dự án 3,2ha Phú Hữu	51.412.844	-	-	-	51.412.844
Công trình mái Canopy kho 2,3 giai đoạn 2	206.702.407	4.705.153.296	-	(4.911.855.703)	-
Cộng	712.237.403	15.418.664.471	(10.713.511.175)	(4.911.855.703)	505.534.996

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.021.848.874	1.065.646.778
Phát sinh trong kỳ	7.913.477.487	1.021.848.874
Hoàn nhập trong kỳ	(1.021.848.874)	(1.065.646.778)
Số cuối kỳ	7.913.477.487	1.021.848.874

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	43.910.239.283	46.565.923.885
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.431.831.154	1.008.978.894
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	844.075.250	1.559.078.440
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	25.741.379.265	30.375.773.343
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	4.149.158.559	6.357.138.187
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	8.282.416.848	3.795.342.478
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	-	316.850.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	-	30.299.400
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	355.534.740	539.672.598
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	757.237.976	1.224.152.321
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	85.343.500	299.763.720
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	-	49.137.840
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	459.107.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	450.079.885	582.089.452
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	19.452.000	19.452.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Vũng Tàu	55.550.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	279.073.106	408.195.212
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	17.253.904.411	27.541.728.379
Cộng	61.164.143.694	74.107.652.264

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.298.695.070	18.828.182.314	(16.809.659.476)	3.317.217.908
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.463.880.384	18.291.376.862	(7.858.125.309)	12.897.131.937
Thuế thu nhập cá nhân	1.259.623.120	4.471.490.014	(5.504.694.582)	226.418.552
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	29.154.185	(29.154.185)	-
Cộng	5.022.198.574	41.623.203.375	(30.204.633.552)	16.440.768.397

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.941.175.436	55.885.174.426
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	35.214.484.247	12.023.071.348
- Các khoản điều chỉnh tăng	40.652.674.055	17.424.748.215
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>1.103.492.606</i>	<i>1.240.480.449</i>
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ</i>	<i>39.567.387.437</i>	<i>16.184.267.766</i>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	<i>(18.205.988)</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.438.189.808)	(5.401.676.867)
<i>Chi phí trích trước đã có hóa đơn chứng từ trong kỳ này</i>	<i>(5.109.244.369)</i>	<i>(5.328.233.890)</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	-	<i>(52.583.446)</i>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá của tiền và các khoản phải thu năm trước</i>	<i>(328.945.439)</i>	<i>(20.859.531)</i>
Thu nhập chịu thuế	95.155.659.683	67.908.245.774
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(5.670.000.000)	(4.725.000.000)
Thu nhập tính thuế	89.485.659.683	63.183.245.774
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	17.897.131.937	12.636.649.155
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	394.244.925	35.529.837
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	18.291.376.862	12.672.178.992

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	27.959.343.411	1.683.503.324
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	23.664.254.987	671.661.450
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	153.102.282	53.685.818
- Chi phí nhiên liệu		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	3.162.726.795	938.080.782
- Chi phí vận chuyển, nâng hạ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	93.312.972	18.399.274
- Chi phí xăng dầu		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung- Chi phí vận chuyển, nâng hạ	1.660.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thuyền Tân Cảng	9.800.000	1.676.000
- Chi phí nâng hạ		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	73.086.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng- Chi phí sửa chữa, vệ sinh cont	387.249.743	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	115.977.700	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	8.957.000	-
- Chi phí vận chuyển, nâng hạ		
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	277.115.932	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu - Chi phí vận chuyển cont	12.100.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	11.974.708.905	3.566.741.045
Trích trước chi phí lãi vay	63.444.879	-
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	9.094.546.222	2.633.599.190
Chi phí hoa hồng	1.993.884.584	273.015.792
Chi phí cho người lao động	546.715.050	540.231.514
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	276.118.170	119.894.549
Cộng	39.934.052.316	5.250.244.369

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	7.451.236.472	7.851.212.261
Kinh phí công đoàn	692.070.778	1.183.273.838
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	806.256.541	1.588.209.359
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	978.624.108	1.039.550.624
Cổ tức phải trả	3.065.291.050	2.390.046.750
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.908.993.995	1.650.131.690
Cộng	7.451.236.472	7.851.212.261

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực – Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.000.000.000	-

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (Xem thuyết minh V.17b).

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	1.057.142.856	4.067.434.090
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	813.120.000	813.120.000
Cộng	1.870.262.856	4.880.554.090

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn đến hạn trả trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.880.554.090	8.077.006.234
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	1.106.067.214	4.560.818.651
Số tiền vay đã trả	(4.116.358.448)	(7.757.270.795)
Số cuối kỳ	1.870.262.856	4.880.554.090

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	4.757.142.860	20.337.170.452
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	2.032.800.000	2.439.360.000
Cộng	6.789.942.860	22.776.530.452

(i) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 27565/20MN/HĐTĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 để xây dựng kho CFS số 6 tại Cảng Cát Lái. Lãi suất khoản vay năm đầu: 9,3%/năm (cố định). Từ năm thứ 2 trở đi: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động KHDN kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ của HDBank (loại 1) + biên độ 2,2%/năm, lãi suất cho vay tối thiểu 9%/năm (LS cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần). Tài sản đảm bảo bao gồm: Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác CTXD hình thành từ dự án xây dựng kho chứa hàng CFS giai đoạn 2 (Kho 6) của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19/11/2010 và các phụ lục kèm theo tương ứng với diện tích cơ sở hạ tầng dùng để đầu tư kho CFS giai đoạn 2 (kho số 6) ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm (khoản vay được bắt đầu trả nợ từ năm 2022).

(ii) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng tín dụng số 233/VCB.TT/21DH ngày 02 tháng 12 năm 2021 để đầu tư 04 Xe Nâng điện Reach Truck. Lãi suất ưu đãi 24 tháng đầu tiên là 7,6%/năm, sau thời gian ưu đãi là lãi suất cơ sở (bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Vietcombank

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

được công bố trên web theo từng thời kỳ) cộng biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.870.262.856	4.880.554.090
Trên 1 năm đến 5 năm	6.261.371.424	18.709.096.360
Trên 5 năm	528.571.436	4.067.434.092
Cộng	8.660.205.716	27.657.084.542

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	22.776.530.452	30.884.825.508
Số tiền vay phát sinh	-	7.400.000.000
Số tiền vay đã trả trước hạn trong kỳ	(14.880.520.378)	(8.507.199.360)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.106.067.214)	(4.560.818.651)
Số cuối kỳ	6.789.942.860	25.216.807.497

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	9.352.734.679	30.039.127.843	472.500.000	39.864.362.522
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	7.712.502.068	7.773.646.638	-	15.486.148.706
Tăng khác	15.000.000	-	-	15.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(3.711.000.000)	(6.709.577.125)	(472.500.000)	(10.893.077.125)
Số cuối kỳ	13.369.236.747	31.103.197.356	-	44.472.434.103

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	199.910.200.000	58.345.270.229	41.311.864.445	299.567.334.674
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	45.384.202.209	45.384.202.209
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(39.982.040.000)	(39.982.040.000)
Trích các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	-	4.538.420.221	(16.238.420.221)	(11.700.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	199.910.200.000	62.883.690.450	30.475.606.433	293.269.496.883

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	199.910.200.000	66.195.499.576	44.041.388.570	310.147.088.146
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	48.541.427.187	48.541.427.187
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(43.980.244.000)	(43.980.244.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(61.144.570)	(61.144.570)
Trích các quỹ từ lợi nhuận kỳ này	-	4.854.142.719	(20.279.146.855)	(15.425.004.136)
Số dư cuối kỳ này	<u>199.910.200.000</u>	<u>71.049.642.295</u>	<u>28.262.280.332</u>	<u>299.222.122.627</u>

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
Cộng	<u>199.910.200.000</u>	<u>199.910.200.000</u>

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 43.980.244.000
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 61.144.570
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế kỳ này	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 4.854.142.719
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 15.425.004.136

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 180.113,98 USD (số đầu năm là 706.126,56 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	371.336.850.907	362.103.915.788

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, Công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	184.118.085.573	168.595.828.697
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	603.327.273	740.163.984
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	156.683.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	81.843.181	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	181.144.750	231.400.334
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	20.193.074	20.852.223
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	5.000.000	-
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	3.090.910	-

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	284.075.040.092	280.089.762.840

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.523.681.335	3.206.136.895
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.670.000.000	4.725.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	123.798.693	198.343.772
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15.710.979	35.522.375
Cộng	11.333.191.007	8.165.003.042

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	950.086.773	1.749.972.899
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	52.248.541	6.398.980
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	761.202.673	-
Cộng	1.763.537.987	1.756.371.879

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng dịch vụ	7.990.207.325	4.429.686.212
Chi hội thảo, quảng cáo, tiếp khách	3.346.590.861	1.691.535.445
Cộng	11.336.798.186	6.121.221.657

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.474.367.800	6.818.689.122
Chi phí vật liệu quản lý	568.758.904	616.207.600
Chi phí đồ dùng văn phòng	423.134.724	700.788.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	392.027.806	386.781.138
Thuế, phí và lệ phí	75.413.757	28.974.867
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(16.648.500)	20.604.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.937.122.889	2.218.865.073
Các chi phí khác	14.936.642.129	15.239.478.331
Cộng	24.790.819.509	26.030.388.416

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	172.039.452	139.803.761
Tiền bồi thường	229.812.850	162.960.203
Các khoản thu nhập khác	520.285	44.660.449
Cộng	402.372.587	347.424.413

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	191.802.837	452.285.154
Chi phí phải trả thường nhiên liệu	172.202.514	175.259.056
Chi phí bồi thường tổn thất hàng hóa	-	105.405.817
Phạt vi phạm hợp đồng	796.616.296	-
Các khoản chi phí khác	4.421.644	473.998
Cộng	1.165.043.291	733.424.025

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(7.913.477.487)	(3.236.853.553)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.021.848.874	1.065.646.778
Cộng	(6.891.628.613)	(2.171.206.775)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.350.204.024	21.249.872.235
Chi phí nhân công	97.629.153.845	91.484.886.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.375.911.793	14.712.310.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.899.358.747	160.235.394.732
Chi phí khác	29.948.029.378	24.558.909.574
Cộng	320.202.657.787	312.241.372.913

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng người quản lý	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch HĐQT	312.447.227	91.639.501	79.698.796	-	483.785.524
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	306.750.146	93.310.590	72.108.434	30.000.000	502.169.170
Ông Đoàn Phi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	238.910.241	72.679.077	60.722.892	30.000.000	402.312.210
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên HĐQT	-	-	56.927.711	30.000.000	86.927.711
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên HĐQT	-	-	56.927.711	30.000.000	86.927.711
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng BKS	-	-	24.668.675	30.000.000	54.668.675
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên BKS	-	-	13.283.133	15.000.000	28.283.133
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên BKS	-	-	13.283.133	15.000.000	28.283.133
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	243.917.050	72.679.077	49.337.349	-	365.933.476
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	157.150.050	47.691.755	45.542.166	15.000.000	265.383.971
Cộng		1.259.174.714	378.000.000	472.500.000	195.000.000	2.304.674.714
Kỳ trước						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch HĐQT	308.186.917	86.412.957	43.180.724	-	437.780.598
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	322.740.961	76.611.337	39.068.273	30.000.000	468.420.571
Ông Đoàn Phi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	247.771.188	58.968.422	32.899.598	30.000.000	369.639.208
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên HĐQT	-	-	30.843.373	30.000.000	60.843.373
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên HĐQT	-	-	30.843.373	30.000.000	60.843.373
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng BKS	-	-	13.365.462	30.000.000	43.365.462
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên BKS	-	-	7.196.787	15.000.000	22.196.787
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên BKS	-	-	7.196.787	15.000.000	22.196.787
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	245.139.501	36.481.579	26.730.924	-	308.352.004
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	151.179.365	46.053.037	24.674.699	15.000.000	236.907.101
Cộng		1.275.017.932	304.527.332	256.000.000	195.000.000	2.030.545.264

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Công ty trong kỳ gồm

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Công ty mẹ cung cấp dịch vụ</i>	3.781.781.214	4.369.488.475
<i>Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng</i>	22.071.132.000	22.071.132.000
<i>Chia cổ tức cho Công ty mẹ</i>	25.953.510.000	23.594.100.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
<i>Chi phí mua dầu</i>	6.726.868.162	6.630.467.263
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	4.561.408.957	2.907.301.933
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	9.964.478.243	2.297.760.543
<i>Mua phần mềm</i>	1.869.561.775	764.985.312
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị trong cùng Tập đoàn:		
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i>	62.998.000	104.039.793
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>	621.563.800	627.597.200
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i>	1.421.252.523	1.346.195.704
<i>Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC</i>	28.972.727	28.009.722
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu</i>	616.346.000	731.740.000
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung</i>	6.440.000	17.422.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	68.100.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	46.083.000	50.723.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	-	302.440.068
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.739.964.652	1.488.720.805
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	87.889.661	99.272.750
Công ty Cổ phần Tân Cảng Thạnh Phước	417.370.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13 và V.15, V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Cam kết thuê tài sản dài hạn

Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 3 năm 2023 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 759/KVTC-HL ngày 19, 20 tháng 12 năm 2019, Công ty thuê đất của Công ty TNHH Hiệp Lực tại xã Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh kho bãi container. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2030. Hợp đồng không hủy ngang. Trong 04 năm đầu, đơn giá thuê là 562.938.000 VND/tháng (bao gồm cả VAT). Đơn giá thuê 03 năm tiếp theo đơn giá thuê là 619.231.800 VND/tháng. Trong 3 năm cuối, đơn giá sẽ được điều chỉnh theo sự thống nhất của hai bên, tuy nhiên đơn giá điều chỉnh không được vượt quá 10% so với đơn giá đã ký ở Giai đoạn 2. Chuyển đổi tiền trả trước cho Công ty TNHH Hiệp Lực thành tiền đặt cọc, số tiền 15.000.000.000 VND. (Xem thuyết minh V.5b).

3. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo